Van bi VZBM-11/2-RP-25-D-2-F0305-B2B3

Số bộ phận: 4405652

Bảng dữ liệu

Đặc **tính**	**Giá** trị
Cấu trúc xây dựng	Van bi 2 chiều
Kiểu vận hành	cơ khí
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Kiểu gắn	Lắp đặt đường dây
Cổng nối van	Rp1 1/2

Đặc **tính**	**Giá** trị
Hiển thị vị trí chuyển mạch	Hướng khe = hướng lưu lượng
Mẫu khoan mặt bích	F03 F05
Ø trong	40 mm
Chiều rộng danh nghĩa DN	40
Chức năng van	2/2
Hướng dòng chảy	có thể đảo ngược
Áp suất danh nghĩa phần ứng PN	25
Mômen ly khai tại chênh lệch áp suất van áp suất danh nghĩa PN	9.5 Nm
Dựa trên tiêu chuẩn	EN 10226-1 ISO 5211
Môi chất	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [-:-:-] Khí trơ Nước - không phải hơi nước chất lỏng trung tính
Nhiệt độ trung bình	-15 °C...90 °C
Lưu lượng Kv	156 m³/h
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Vật liệu vỏ	Đồng thau mạ niken
Số vật liệu vỏ	CW617N
Vật liệu của phớt	FPM HNBR PTFE
Vật liệu khớp cầu	Đồng thau mạ crôm
Số vật liệu cầu	CW617N
Vật liệu trục	Đồng thau
Số vật liệu trục	CW617N
trọng lượng sản phẩm	1135 g
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo Chỉ thị thiết bị áp suất của EU
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp